

Số: 02/2022/QĐST - DS

Tuyên Hóa, ngày 28 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải T ngày 20 tháng 9 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 07/2020/TLST - DS ngày 16 tháng 6 năm 2020 về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất”,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải T về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải T, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: chị Phạm Thị Hải T, sinh năm 1979

Địa chỉ: tiểu khu 2, thị trấn Đ, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: anh Nguyễn Thế T

Địa chỉ: số 23 đường L, p. B, tp. Đ, tỉnh Quảng Bình

Bị đơn: ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T

Địa chỉ: tiểu khu 2, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Bình, địa chỉ: tiểu khu 2 thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Nam G - Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đặng Thế T - Phó trường phòng tài nguyên và môi trường huyện T

2. Ông Hoàng Đức P, bà Phạm Thị X

Địa chỉ: Số 03 đường M, phường N, tp Đ, tỉnh Quảng Bình

3. Ông Phạm Xuân T (người sử dụng thửa đất liền kề với thửa đất của chị Phạm Thị Hải T)

Địa chỉ: tiểu khu 2, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn chị Phạm Thị Hải T; bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Đức P, bà Phạm Thị X; ông Đặng Thế T; người sử dụng thửa đất liền kề ông Phạm Xuân T thống nhất thỏa thuận về ranh giới và hiện trạng sử dụng đất thực tế như sau:

1. Thửa đất số 103, tờ bản đồ số 22 thuộc quyền sử dụng của chị Phạm Thị Hải T có tọa độ theo hiện trạng sử dụng đất

Điểm 1 X = 1978079.47; Y = 502324.90

Điểm 2 X = 1978069.78; Y = 502305.09

Điểm 3 X = 1978068.09; Y = 502301.63

Điểm 4 X = 1978063.53; Y = 502303.56

Điểm 5 X = 1978065.15; Y = 502306.85

Điểm 6 X = 1978075.04; Y = 502326.94

Điểm 1 X = 1978079.47; Y = 502324.90

Vị trí tiếp giáp tứ cạnh theo hiện trạng sử dụng đất của thửa đất là: phía Bắc tiếp giáp với tường nhà được xây trên thửa đất số 104 tờ bản đồ số 22 (thửa đất này thuộc quyền sử dụng của ông Phạm Xuân T, giữa anh T và chị T không có tranh chấp về ranh giới); phía Đông tiếp giáp đất giao thông (quốc lộ 12A); phía Nam tiếp giáp thửa đất số 102 tờ bản đồ số 22 (thửa đất này hiện tại ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T đang sử dụng); phía Tây tiếp giáp với hành lang giao thông đường sắt Bắc Nam.

2. Thửa đất số 102, tờ bản đồ số 22 hiện nay do ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T sử dụng có tọa độ theo hiện trạng sử dụng đất

Điểm 6 X = 1978075.04; Y = 502326.94

Điểm 7 X = 1978075.33; Y = 502327.52

Điểm 8 X = 1978069.43; Y = 502330.45

Điểm 9 X = 1978057.60; Y = 502306.48

Điểm 4 X = 1978063.53; Y = 502303.56

Vị trí tiếp giáp tứ cạnh theo hiện trạng sử dụng đất của thửa đất là: phía Bắc tiếp giáp thửa đất số 103 tờ bản đồ số 22 của chị Phạm Thị Hải T; phía Đông tiếp giáp

đất giao thông (quốc lộ 12A); phía Nam tiếp giáp đất T lợi; phía Tây tiếp giáp với hành lang giao thông đường sắt Bắc Nam.

- Về án phí: chị Phạm Thị Hải T thuận chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa theo biên lai số 0007910 ngày 15/6/2022, nay khấu trừ và chị T được nhận lại 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Hữu Tình